TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23/02/2022
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Quảng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Chự

2. Ông Nguyễn Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Quang Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Sỹ Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 167/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Thế D, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện P, tỉnh Gia Lai.
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1995;
Địa chỉ: Làng K, xã O, huyện P, tỉnh Gia Lai.
Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn là anh Ngô Thế D trình bày:

Anh Ngô Thế D và chị Nguyễn Thị N sau thời gian tìm hiểu tự nguyện và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã D, huyện P, tỉnh Gia Lai vào năm 2019. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh D và chị N không hợp nhau về tính tình, cách sống, quan điểm sống. Từ cuối năm 2020, anh D và chị N đã không còn sống chung với nhau. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn anh D đề nghị ly hôn với chị N và không yêu cầu hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Toà án đã thực hiện việc tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn chị Nguyễn Thị N đến làm việc, nhưng chị N không có mặt theo nội dung triệu tập của Tòa án. Tại các văn bản mà bị đơn chị Nguyễn Thị N gửi đến Toà án trong quá trình giải quyết vụ án, chị N trình bày nội dung như sau:

Chị Nguyễn Thị N và anh Ngô Thế D sau thời gian tìm hiểu tự nguyện và đi đến hôn có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ia Drang, huyện P, tỉnh Gia Lai vào năm 2019. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị N và anh D không hợp nhau về tính tình, cách sống, quan điểm sống. Từ cuối năm 2020, chị N và anh D đã không còn sống chung với nhau. Nay anh nhận thấy tính cảm vợ chồng không còn anh D khởi kiện yêu cầu ly hôn, chị N đồng ý và không yêu cầu hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn là anh Ngô Thế D vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh D giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị N, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên toà, bị đơn là chị Nguyễn Thị N vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị N giữ nguyên ý kiến đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh D, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Ngô Thế D đối với chị Nguyễn Thị N.

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có:

01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn;01 Bản sao sổ hộ khẩu;02 Bản sao chứng minh nhân dân;05 Bản sao trích lục khai sinh.Chứng cứ Tòa án thu thập được: Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn, bản trình bày của bị đơn; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; Đơn xin xét xử vắng mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Ngô Thế D yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Đơn khởi kiện của anh Ngô Thế D phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị N cư trú tại Làng K, xã O, huyện P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Ngô Thế D và chị Nguyễn Thị N đã được Toà án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, do vậy toà án nhân dân huyện P xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Anh Ngô Thế D và chị Nguyễn Thị N có đăng ký kết hôn vào vào ngày 10/4/2019 tại Uỷ ban nhân dân xã D, huyện P, tỉnh Gia Lai, anh D và chị N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh D và chị N chung sống hạnh phúc một thời gian thì anh D và chị N phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ cuối năm 2020 cho đến nay, anh D và chị N đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để hòa giải cho các đương sự về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, chị N đã không đến Tòa án để tiến hành hòa giải. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh D và chị N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D.

[3] Về con chung: Anh Ngô Thế D và chị Nguyễn Thị N không có con chung.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Thế D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Thế D được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

2. Về án phí:

Buộc anh Ngô Thế D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0006293 ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Anh Ngô Thế D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Anh Ngô Thế D, chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Văn Quảng